

Số: 980 /QĐ-UBND

Nam Thái Ninh, ngày 22 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Đội dân phòng; bổ nhiệm Đội trưởng, Đội phó và công nhận
Đội viên Đội dân phòng tại các thôn trên địa bàn xã Nam Thái Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM THÁI NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/05/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2927/QĐ-UBND, ngày 19/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về số lượng Đội dân phòng; số lượng thành viên Đội dân phòng tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Trưởng Công an xã Nam Thái Ninh tại Tờ trình số 396/TTr-CAX ngày 22/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập, bổ nhiệm Đội trưởng, Đội phó và công nhận đội viên Đội dân phòng:

- Thành lập 11 Đội dân phòng tại 11 thôn với tổng số 114 thành viên.
- Bổ nhiệm 11 Đội trưởng, 11 Đội phó và công nhận 92 Đội viên Đội dân phòng.

(Danh sách chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2: Nhiệm vụ của Đội dân phòng:

1. Tham mưu, đề xuất người có thẩm quyền ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng, thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý.

2. Thực hiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi, nhiệm vụ được phân công; tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi được huy động.

3. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; xây dựng phong trào quần chúng tham gia phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Xây dựng phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại khu dân cư; chuẩn bị lực lượng, người, phương tiện tham gia thực tập phương án.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Công an xã Nam Thái Ninh giúp Ủy ban nhân dân xã trực tiếp quản lý về tổ chức, hoạt động, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, phân công, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Đội dân phòng; chủ trì, phối hợp các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Ninh bảo đảm kinh phí, nơi làm việc, bảo đảm việc huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, trang bị phương tiện, các điều kiện cần thiết và duy trì hoạt động của Đội dân phòng.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Công an xã, Trưởng Phòng Kinh tế; các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- TT Đảng ủy, HĐND;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các thôn;
- Lưu: VT, CAX. *Chinh*

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Tiến Chinh



PHỤ LỤC

Danh sách Đội dân phòng, th Đội dân phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 980 /QĐ-UBND ngày 22/9/2026
của Chủ tịch UBND xã Nam Thái Ninh)

TT	Họ tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
I. Thôn Thái Thịnh				
1	Ngô Văn Thắng	1970	Đội trưởng	
2	Đinh Văn Nhân	1966	Đội phó	
3	Đỗ Duy Thành	1964	Đội viên	
4	Phạm Thị Hoa	1966	Đội viên	
5	Đinh Thế Anh	1993	Đội viên	
6	Vũ Đức Thịnh	1986	Đội viên	
7	Phạm Văn Thặng	1960	Đội viên	
8	Đỗ Thị Châm	1968	Đội viên	
9	Hà Xuân Tú	1963	Đội viên	
10	Đỗ Đức Mạnh	1978	Đội viên	
II. Thôn Nam Thịnh				
11	Ngô Văn Mạnh	1986	Đội trưởng	
12	Đỗ Văn Độ	1967	Đội phó	
13	Trần Thị Hà	1987	Đội viên	
14	Dương Thị Xuyên	1974	Đội viên	
15	Hà Trọng Năng	1983	Đội viên	
16	Bùi Tiến Đạt	1994	Đội viên	
17	Phạm Văn Dương	1982	Đội viên	
18	Phạm Xuân Hiếu	1995	Đội viên	
19	Phạm Xuân Thủy	1979	Đội viên	
20	Ngô Văn Hưng	1958	Đội viên	
III. Thôn Bắc Thịnh				
21	Nguyễn Văn Lâm	1963	Đội trưởng	
22	Đỗ Văn Huê	1969	Đội phó	
23	Đỗ Văn Vỹ	1963	Đội viên	
24	Ngô Văn Nghĩa	1960	Đội viên	
25	Đỗ Đình Trọng	1972	Đội viên	
26	Đỗ Văn Mưu	1968	Đội viên	
27	Giang Văn Tiếp	1999	Đội viên	
28	Hà Thị Giỏn	1959	Đội viên	
29	Đỗ Thị Hồng	1960	Đội viên	
30	Hoàng Thị Mai	1973	Đội viên	
IV. Thôn Thái Thành				
31	Phạm Văn Đăng	1996	Đội trưởng	
32	Nguyễn Văn Ánh	1968	Đội phó	
33	Nguyễn Hữu Bá	1975	Đội viên	
34	Phạm Trọng Tâm	1963	Đội viên	

35	Nguyễn Đình Hưng	1977	Đội viên	
36	Hà Thúy Huyền	1984	Đội viên	
37	Trần Quang Vĩnh	1958	Đội viên	
38	Nguyễn Thị Thuận	1986	Đội viên	
39	Lê Minh Thông	1956	Đội viên	
40	Phạm Thị Hoài	1973	Đội viên	
V. Thôn Liên Phong				
41	Phí Văn Sửu	1962	Đội trưởng	
42	Nguyễn Mạnh Dũng	1996	Đội phó	
43	Bùi Thành Tuấn	1993	Đội viên	
44	Phạm Ngọc Anh	1977	Đội viên	
45	Phạm Thị Duyên	1986	Đội viên	
46	Tô Thị Phương	1984	Đội viên	
47	Phạm Thị Hương	1978	Đội viên	
48	Phí Ngọc Việt	1982	Đội viên	
49	Tạ Thị Hoa	1990	Đội viên	
50	Dương Thành Đạt	2003	Đội viên	
VI. Thôn Tân Quang				
51	Phạm Ngọc Chi	1963	Đội trưởng	
52	Quách Đình Chung	1976	Đội phó	
53	Trần Ngọc Từ	1979	Đội viên	
54	Bùi Ngọc Hoảng	1964	Đội viên	
55	Phạm Văn Lãng	1969	Đội viên	
56	Phạm Thị Lan	1990	Đội viên	
57	Trần Văn Thúy	1980	Đội viên	
58	Nguyễn Thị Tùng Diệp	1980	Đội viên	
59	Quách Mạnh Trường	1986	Đội viên	
60	Quách Đình Yên	1982	Đội viên	
VII. Thôn Đồng Kinh				
61	Nguyễn Văn Ngàn	1973	Đội trưởng	
62	Bùi Mạnh Trường	1979	Đội phó	
63	Đào Xuân Y	1963	Đội viên	
64	Đào Xuân Thắng	1958	Đội viên	
65	Đặng Hà Kiếm Thu	1985	Đội viên	
66	Hà Thị Thùy	1979	Đội viên	
67	Đào Trung Kiên	1968	Đội viên	
68	Đào Duy Mười	1971	Đội viên	
69	Đào Xuân Khương	1979	Đội viên	
70	Hà Văn Sỹ	1975	Đội viên	
VIII. Thôn Thái Thuận				
71	Lưu Đình Tăng	1966	Đội trưởng	
72	Đào Văn Chương	1972	Đội phó	
73	Bùi Thị Mùa Thu	1981	Đội viên	
74	Trần Quang Luyện	1967	Đội viên	
75	Nguyễn Thị Duyên	1982	Đội viên	

76	Phạm Văn Phương	1985	Đội viên	
77	Nguyễn Thị Thúy	1968	Đội viên	
78	Trần Thị Hải	1989	Đội viên	
79	Trần Văn Cường	1982	Đội viên	
80	Đặng Văn Xiêm	1971	Đội viên	
81	Trần Đức Lương	1979	Đội viên	
82	Đào Thị Duyên	1996	Đội viên	
IX. Thôn Thái Thọ				
83	Trần Văn Hoài	1962	Đội trưởng	
84	Đinh Ngọc Trung	1981	Đội phó	
85	Hoàng Văn Ngọc	1984	Đội viên	
86	Phạm Văn Chữ	1983	Đội viên	
87	Đỗ Văn Luật	1951	Đội viên	
88	Trần Văn Nhiệm	1977	Đội viên	
89	Hoàng Thanh Chương	1972	Đội viên	
90	Trịnh Ngọc Bính	1965	Đội viên	
91	Nguyễn Văn Mạnh	1995	Đội viên	
92	Ngô Văn Ngọc	1985	Đội viên	
93	Vũ Văn Tụy	1968	Đội viên	
94	Hoàng Thị Thơi	1971	Đội viên	
X. Thôn Hanh Lập				
95	Phạm Văn Đuẩn	1967	Đội trưởng	
96	Đỗ Văn Lưu	1976	Đội phó	
97	Đinh Tiến Lợi	1969	Đội viên	
98	Hà Xuân Vỹ	1996	Đội viên	
99	Dương Xuân Tứ	1961	Đội viên	
100	Hà Thế Duyệt	2000	Đội viên	
101	Hà Văn Điềm	1968	Đội viên	
102	Hà Thị Thúy	1972	Đội viên	
103	Vũ Thị Giang	1973	Đội viên	
104	Hà Văn Tiêm	1964	Đội viên	
XI. Thôn Xuân Hòa				
105	Bùi Việt Trì	1960	Đội trưởng	
106	Vũ Văn Khiết	1977	Đội phó	
107	Đỗ Đình Dục	1983	Đội viên	
108	Vũ Văn Thành	1975	Đội viên	
109	Đinh Văn Thiêm	1959	Đội viên	
110	Bùi Thị Nhân	1960	Đội viên	
111	Nguyễn Thị Thanh Hải	1964	Đội viên	
112	Hà Thị Mười	1965	Đội viên	
113	Nguyễn Văn Thịnh	1965	Đội viên	
114	Nguyễn Văn Thuật	1976	Đội viên	